TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1021/2024/DS-PT
Ngày: 12/12/2024
V/v Tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Út
Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Kim Nghĩa – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 12 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 804/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 490/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 51/2024/QĐ-BS ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5638/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 16858/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 17537/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị Đ, sinh năm 1975 (có mặt).
   Địa chỉ thường trú: E G, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
   Địa chỉ liên lạc: 5 N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:
   2.1. Ông Đinh Xuân H, sinh năm 1963 (có mặt);
   2.2. Bà Ngô Thị Thu T, sinh năm 1971 (có mặt).
   Cùng địa chỉ: 1 H, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Quốc T1 (có mặt) – Công ty L, Đoàn Luật sư Thành phố H.
Địa chỉ: A N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
   Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
   Địa chỉ: C L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bà Đào Thị Đ – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đào Thị Đ trình bày:

Bà và vợ chồng ông Đinh Xuân H, bà Ngô Thị Thu T có mối quan hệ làm ăn, kinh doanh lâu năm với nhau. Trong khoảng thời gian từ ngày 12/3/2013 đến ngày 26/12/2015, bà có vay tiền của ông H và bà T nhiều lần tổng cộng là 43.573.762.000 đồng. Khi bà vay tiền, hai bên không thỏa thuận về thời hạn vay và lãi suất. Tuy nhiên, khi trả tiền thì bà đã trả một phần lãi nhưng không xác định lãi suất cụ thể của khoản vay là bao nhiêu. Trong khoảng thời gian từ ngày 09/9/2013 đến ngày 08/7/2017, bà đã thanh toán các khoản vay trên cho ông H và bà T làm 29 đợt với tổng số tiền là 52.430.000.000 đồng.

Việc vay tiền và trả nợ diễn ra trong một khoảng thời gian dài, bà không thể kiểm soát được các khoản đã vay. Đồng thời khi trả tiền thì phía bị đơn tự tính cả gốc và lãi; đe dọa, làm áp lực nên bà buộc phải trả một phần tiền lãi theo yêu cầu của bị đơn. Bà đã trả cho ông H và bà T tổng số tiền là 52.430.000.000 đồng, số tiền trả dư là 8.856.238.000 đồng. Do đó, bà yêu cầu ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T trả lại cho bà số tiền 8.856.238.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 30/11/2023, bà Đ có yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi là 10.080.000.000 đồng nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí mặc dù đã nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí hai lần.

Bị đơn ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T thống nhất trình bày: Bà Đào Thị Đ có vay tiền của vợ chồng ông bà nhiều khoản từ năm 2013. Mỗi khoản đều có tính lãi suất. Đến ngày 15/10/2016 thì bà Đ còn nợ vợ chồng ông bà 12 khoản vay với tổng trị giá là 28.595.867.872 đồng. Hai bên thống nhất gom tất cả các khoản vay này thành một và xác nhận bằng biên bản công nợ ký ngày 15/10/2016, cam kết rằng biên bản này sẽ thay thế cho toàn bộ các chứng từ, biên bản, giấy nhận nợ trước đó.

Ngày 21/7/2017, bà Đ viết cam kết trả nợ 15.840.000.000 đồng bằng hình thức hứa sang tên căn nhà số G G, Phường D, quận T cho vợ chồng ông bà. Ở mặt sau tờ giấy cam kết, hai bên thống nhất lãi suất cho số nợ còn lại là 1.5%/tháng. Tuy nhiên sau khi rút hồ sơ căn nhà từ Ngân hàng TMCP Đ1 ra, bà Đ đã bán nhà cho người khác và ngày 08/5/2017 chỉ trả cho vợ chồng H T số tiền là 8.500.000.000 đồng.

Từ ngày 01/4/2017 đến ngày 08/5/2017 bà Đ trả được 9.000.000.000 đồng gồm tiền lãi và nợ gốc, còn lại số nợ gốc là 18.963.000.000. Vợ chồng ông H, bà T đồng ý giảm số nợ gốc cho bà Đ còn 18.000.000.000 đồng và hai bên lập biên bản xác nhận công nợ này tại thời điểm ngày 08/5/2017.

Ngày 07/8/2017, ông H bà T đã nộp đơn phản tố yêu cầu bà Đ phải trả đủ số tiền gốc còn nợ là 18.963.000.000 đồng kèm tiền lãi phát sinh là 1.5%/tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu H1 trình bày: Trước đây, ông và bà Đào Thị Đ có quan hệ vợ chồng, đã ly hôn vào ngày 27/12/2016 (Theo Quyết định số 1436/2026/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân quận Tân Bình). Khi ly hôn, ông đã để lại toàn bộ tài sản cho bà Đ. Việc bà Đ vay mượn với ai, ông hoàn toàn không biết. Ông không hề có giao dịch vay mượn gì với ông H và bà T. Do đó, ông không có liên quan gì đến các khoản vay mượn của bà Đào Thị Đ. Ông có yêu cầu vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Đào Thị Đ vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ.

Luật sư Nguyễn Quốc T1 - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trả 18.963.000.000 đồng kèm tiền lãi phát sinh là 1.5%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị đơn xác định chỉ yêu cầu nguyên đơn phải trả số tiền là 18.000.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T xác định yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn phải trả số tiền là 18.000.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, ông H bà T thống nhất với phần trình bày của Luật sư Nguyễn Quốc T1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 490/2024/DS-ST ngày 16/7/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 51/2024/QĐ-BS ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đào Thị Đ về việc yêu cầu ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T trả lại cho số tiền 8.856.238.000 (Tám tỷ tám trăm năm mươi sáu triệu hai trăm ba mươi tám ngàn) đồng.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn phải trả tiền lãi phát sinh là 1.5%/tháng.

Chấp nhận yêu cầu của phản tố của bị đơn:

Bà Đào Thị Đ phải trả cho ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T số tiền 18.000.000.000 (Mười tám tỷ) đồng.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/8/2024, nguyên đơn bà Đào Thị Đ nộp Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo là nguyên đơn bà Đào Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể như sau:

- Cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà là không đúng vì bà không được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình. Do đó bà vẫn đề nghị giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà buộc ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T phải trả cho bà số tiền gốc là 8.856.238.000 đồng và số tiền lãi là 10.080.000.000 đồng một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật;

- Không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T buộc bà phải trả số tiền là 18.000.000.000 đồng như cấp xét xử sơ thẩm

đã quyết định vì việc vay nợ, làm ăn giữa vợ chồng bà với ông Đinh Xuân H, bà Ngô Thị Thu T cần phải xem xét và đối chiếu lại toàn bộ công nợ làm ăn giữa hai bên và doanh nghiệp của hai bên để xác định lại công nợ để cùng buộc chồng bà đã ly hôn là ông H1 cùng có nghĩa vụ với bà trong tranh chấp với vợ chồng ông H, bà T.

- Việc bà ký xác nhận công nợ với ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T là do bị ép buộc và chỉ là ký tạm thời, chưa đầy đủ vì chưa có chữ ký của chồng bà là ông H1. Ngoài ra biên bản xác nhận công nợ này là từ nhiều khoản làm ăn, mua bán giữa hai công ty chưa được xem xét đối chiếu và xác nhận giữa hai bên.

Bà Đ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T phải trả cho bà số tiền gốc là 8.856.238.000 đồng và số tiền lãi là 10.080.000.000 đồng một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T xác định không kháng cáo bản án sơ thẩm. Xác định việc đòi trả lại tài sản của ông bà đối với bà Đường K liên quan nghĩa vụ của ông H1. Việc xác nhận công nợ, nghĩa vụ trả nợ của bà Đ là rõ ràng và hợp pháp. Việc bà Đ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm là đúng và Hội đồng xét xử quyết định theo quy định pháp luật, phía bị đơn không có ý kiến. Do đó cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T xác định tại cấp sơ thẩm phía bà Đ cũng đã có thiện chí trả tiền cho phía ông bà và phía ông bà cũng đã giảm số tiền phải trả cho bà Đ. Tuy nhiên, bà Đường K thực hiện, cố tình kéo dài không trả tiền và tẩu tán tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía ông bà vẫn đồng ý nếu bà Đ trả ngay cho ông bà số tiền 3.800.000.000 đồng ngay thì giữa vợ chồng ông bà là Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T với bà Đào Thị Đ chấm dứt toàn bộ tranh chấp với nhau về tiền bạc, nghĩa vụ trả tiền. Tuy nhiên, phía bà Đ không đồng ý thương lượng, hòa giải nên phía ông bà đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu H1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các

quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung: Kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Ngày 16/7/2024, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm và tuyên án vụ án, bà Đào Thị Đ là nguyên đơn vắng mặt. Ngày 12/8/2024, bà Đào Thị Đ là nguyên đơn được tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm. Ngày 26/8/2024, bà Đào Thị Đ nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị Đ đã làm và nộp trong hạn luật định, đã nộp tạm tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu H1 xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị Đ:

[2.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc không nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa ngày 16/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình:

Căn cứ Kết quả xác minh số 225.1/PYCXM của Công an P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Bản tự khai ngày 06/5/2022 của bà Đào Thị Đ; Biên bản tống đạt trực tiếp ngày 09/5/2022 và phần trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, có đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ cho Tòa án và đang thực tế cư trú tại địa chỉ: số B N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2024/QĐXXST-DS ngày 06/3/2024, Giấy triệu tập ngày 06/3/2024, Biên bản tống đạt trực tiếp ngày 19/3/2024 (bút lục số 428), nguyên đơn đã được Tòa án nhân dân quận Tân Bình tống đạt hợp lệ triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 04/4/2024. Tuy nhiên, nguyên đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án cấp sơ thẩm hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Xét Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2024/QĐST-DS ngày 04/4/2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 404/2024/QĐXXST-DS ngày 18/6/2024, Giấy triệu tập ngày 18/6/2024, Biên bản tống đạt trực tiếp ngày 27/5/2024 (bút

lục số 431), bộ B tống đạt trực tiếp không thành và niêm yết ngày 01/7/2024 của Văn phòng T2 (bút lục từ số 431a đến số 434), nguyên đơn đã được Tòa án nhân dân quận Tân Bình tống đạt hợp lệ triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 16/7/2024. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai.

Căn cứ các Điều 227, 228 và 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì bị coi là từ bỏ việc khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung này.

Do không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn đối với nội dung cho rằng cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T trả lại cho nguyên đơn số tiền 8.856.238.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên là 10.080.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

Xét yêu cầu phản tố của ông H, bà T buộc bà Đ phải có nghĩa vụ trả nợ với số tiền 18.000.000.000 đồng. Căn cứ Biên bản công nợ ngày 15/10/2016, bà Đ xác nhận còn nợ vợ chồng ông H bà T 12 (mười hai) khoản vay, tổng cộng là 28.595.867.872 đồng. Hai bên cam kết và thống nhất: Biên bản xác nhận công nợ này sẽ thay thế cho toàn bộ các chứng từ, các biên bản và các giấy nhận nợ trước ngày 15/10/2016. Tại Giấy xác nhận nợ ngày 08/5/2017, bà Đ xác nhận còn nợ ông H và bà T cuối cùng là "18 tỷ". Theo sự xác nhận của hai bên, kể từ thời điểm 08/5/2017, bà Đ không trả cho ông H và bà T bất kỳ khoản tiền nào theo Giấy xác nhận nợ ngày 08/5/2017. Do đó phía ông H, bà T yêu cầu bà Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền 18.000.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi là có lợi cho bà Đ. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông H, bà T buộc bà Đ phải trả nợ là có căn cứ.

Bà Đào Thị Đ cho rằng khoản tiền trên do công nợ vay mượn và làm ăn giữa vợ chồng bà Đ, ông H1 với vợ chồng ông H, bà T chưa được đối chiếu, đối chất và xem xét làm rõ mà buộc một mình bà phải có nghĩa vụ là không đúng. Xét, việc cá nhân bà Đ xác nhận nợ, nghĩa vụ trả tiền với ông H, bà T theo các biên bản công nợ ngày 15/10/2016 và 08/5/2017 là căn cứ để cá nhân bà Đ có

nghĩa vụ với ông H và bà T, bởi lẽ bà Đ với ông H1 đã ly hôn năm 2016, ông H1 đã có lời khai khi ly hôn, tài sản vợ chồng giao hết cho bà Đ, không tranh chấp tài sản giữa hai vợ chồng. Ông H1 không biết, không ký xác nhận và hoàn toàn không liên quan đến việc vay nợ và nghĩa vụ vay nợ với ông H, bà T. Do đó, bà Đ yêu cầu ông H1 cùng có nghĩa vụ trả nợ là không có căn cứ.

Đối với các tài liệu, chứng cứ bà Đ cung cấp tại cấp phúc thẩm gồm những hóa đơn, giấy tờ công nợ trước khi có Giấy chốt nợ mà bị đơn phản tố có liên quan đến giao dịch mua bán, hàng hóa giữa Công ty của các bên. Hội đồng xét xử xét thấy giữa hai bên đã có biên bản xác nhận công nợ cuối cùng ngày 15/10/2016 và ngày 08/5/2017, nên không xem xét các tài liệu, chứng cứ nêu trên trong vụ án này vì nếu có tranh chấp liên quan đến các giao dịch mua bán hàng hóa với nhau giữa các bên, sẽ được khởi kiện trong vụ án khác nếu có yêu cầu khởi kiện.

Về nghĩa vụ trả tiền của bà Đ đối với ông H, bà T tại cấp sơ thẩm, phía bà Đ đã thừa nhận và có thiện chí cam kết trả tiền nhưng sau đó không thực hiện cam kết, đồng thời có nêu hoàn cảnh khó khăn và đã được phía ông H, bà T giảm số tiền phải trả nhưng cũng không đồng ý trả tiền thể hiện việc bà Đ cố tình kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ đối với ông H, bà T. Cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông H, bà T buộc bà Đ phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 18.000.000.000 đồng (không yêu cầu trả tiền lãi) và thi hành một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử xét kháng cáo của bà Đ là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị Đ , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.3] Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 dồng bà Đ đã nộp.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 490/2024/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 51/2024/QĐ-BS ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đào Thị Đ về việc yêu cầu ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T trả lại cho bà Đ số tiền 8.856.238.000 đồng (Tám tỷ tám trăm năm mươi sáu triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn phải trả tiền lãi phát sinh là 1.5%/tháng.

3. Chấp nhận yêu cầu của phản tố của bị đơn:

Bà Đào Thị Đ phải trả cho ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T số tiền 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng).

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí 58.428.119 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn một trăm mười chín đồng) do bà Đào Thị Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006451 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Đào Thị Đ còn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T là 126.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng), thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

H2 lại cho ông Đinh Xuân H và bà Ngô Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 63.908.168 đồng (Sáu mươi ba triệu chín trăm lẻ tám nghìn một trăm sáu mươi tám đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006826 ngày 15/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đào Thị Đ phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Đào Thị Đ đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002267 ngày 04/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu (T18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng